**Biểu đồ 1: Biểu đồ tròn thể hiện tỷ lệ các ngân hàng phá sản so với ngân hàng không phá sản**

A blue circle with a number of text

Description automatically generated

**Nhận xét:**

Tổng số ngân hàng trong khảo sát là 6.82k (6,819), trong đó 220 ngân hàng phá sản, chiếm 3.23%. Ngược lại, có 6.6k (6,599) ngân hàng không phá sản, chiếm 96.77%.

* **Tỷ lệ ngân hàng phá sản thấp** (3.23%) cho thấy phần lớn các ngân hàng duy trì hoạt động ổn định và tránh được tình trạng phá sản. Đây là dấu hiệu tích cực cho hệ thống tài chính, phản ánh khả năng quản lý rủi ro tốt và sức khỏe tài chính của phần lớn các ngân hàng.
* **Tỷ lệ ngân hàng không phá sản cao** (96.77%) thể hiện sự ổn định và bền vững của ngành ngân hàng trong phạm vi khảo sát. Số liệu này chỉ ra rằng đa số các ngân hàng có cơ cấu tài chính lành mạnh và quản trị rủi ro hiệu quả.

Tuy nhiên, mặc dù tỷ lệ ngân hàng phá sản thấp, con số 220 ngân hàng phá sản vẫn là một dấu hiệu cần chú ý. Điều này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế, đặc biệt nếu những ngân hàng này có quy mô lớn hoặc tác động lan tỏa. Việc phá sản của ngân hàng có thể gây lo ngại về an toàn tài chính cho khách hàng và các đối tác liên quan.

**Kết luận:**

* **Nếu tỷ lệ phá sản duy trì hoặc tăng,** cần xem xét lại các biện pháp quản lý rủi ro và hỗ trợ tài chính để giảm thiểu tình trạng này. Điều này nhằm đảm bảo sự ổn định của hệ thống tài chính và ngăn ngừa các rủi ro tiềm ẩn.
* **Nếu tỷ lệ phá sản giảm,** đó là dấu hiệu tích cực cho sự cải thiện trong quản lý và điều hành ngân hàng. Điều này chứng tỏ sự tiến bộ trong các biện pháp kiểm soát và ngăn chặn rủi ro tài chính.

**Biểu đồ 2: Biểu đồ cột so sánh các chỉ số ROA giữa ngân hàng phá sản và không phá sản**

A graph of a bankruptcy

Description automatically generated with medium confidence

**Nhận xét:**

ROA(A) - Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản trước lãi suất và % sau thuế:

* Các ngân hàng không phá sản có chỉ số ROA(A) là 56.2%, cao hơn so với 45.69% của các ngân hàng phá sản.
* Các ngân hàng không phá sản có ROA(A) cao hơn gần 11 điểm phần trăm so với các ngân hàng phá sản, điều này cho thấy khả năng tạo ra lợi nhuận từ tài sản của họ tốt hơn khi chưa tính các khoản lãi suất và sau thuế. Đây là dấu hiệu của hiệu quả quản lý và sử dụng tài sản cao hơn.

ROA(B) - Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản trước lãi suất và khấu hao sau thuế:

* Chỉ số ROA(B) của các ngân hàng không phá sản là 55.67%, trong khi đó các ngân hàng phá sản chỉ đạt 46.15%.
* Tương tự như ROA(A), chỉ số ROA(B) của các ngân hàng không phá sản cũng vượt trội hơn các ngân hàng phá sản với khoảng cách gần 10 điểm phần trăm. Điều này phản ánh khả năng chịu đựng chi phí khấu hao và lãi suất sau thuế tốt hơn của các ngân hàng không phá sản.

ROA(C) - Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản trước lãi suất và khấu hao trước lãi suất:

* Chỉ số ROA(C) của các ngân hàng không phá sản là 50.81%, cao hơn so với 41.85% của các ngân hàng phá sản.
* Chỉ số ROA(C) của các ngân hàng không phá sản cao hơn gần 9 điểm phần trăm so với các ngân hàng phá sản. Điều này cho thấy ngay cả khi tính các khoản lãi suất và khấu hao trước lãi suất, khả năng sinh lợi từ tài sản của các ngân hàng không phá sản vẫn vượt trội hơn.

Kết luận:

* Các chỉ số ROA(A), ROA(B), và ROA(C) đều cho thấy một xu hướng rõ ràng đó là các ngân hàng không phá sản có hiệu suất sinh lợi từ tài sản cao hơn các ngân hàng phá sản ở mọi khía cạnh tính toán lãi suất và khấu hao.
* Khả năng sinh lợi từ tài sản của các ngân hàng không phá sản cho thấy họ có quản lý tài sản hiệu quả hơn, tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ tài sản, và duy trì một nền tảng tài chính ổn định.
* Sự vượt trội trong các chỉ số ROA của các ngân hàng không phá sản là minh chứng cho việc quản lý tài sản tốt, hiệu quả trong điều hành hoạt động kinh doanh và khả năng đối phó tốt với các chi phí tài chính.
* Điều này có thể là yếu tố quyết định giúp các ngân hàng không phá sản duy trì hoạt động và tránh được tình trạng phá sản, tạo ra một nền tảng vững chắc để phát triển bền vững trong dài hạn.

**Biểu đồ 3: Hai biểu đồ box plot so sánh các chỉ số sinh lời của các ngân hàng phá sản và không phá sản:**

A screenshot of a computer

Description automatically generated

A screenshot of a computer

Description automatically generated

**Nhận xét:**

Tỷ lệ lãi gộp hoạt động (Operating Gross Margin):

* Ngân hàng phá sản: Có tỷ lệ lãi gộp hoạt động tập trung chủ yếu ở mức thấp (khoảng 0.5 - 0.6) với độ phân tán hẹp. Điều này cho thấy các ngân hàng này có khả năng kiểm soát chi phí hoạt động kém, dẫn đến lợi nhuận gộp thấp.
* Ngân hàng không phá sản: Có tỷ lệ lãi gộp hoạt động trung bình cao hơn (khoảng 0.6) và phân tán rộng hơn. Điều này cho thấy các ngân hàng này có khả năng kiểm soát chi phí hoạt động tốt hơn, dẫn đến lợi nhuận gộp cao hơn và biến động mạnh hơn.

Tỷ lệ lãi ròng trước thuế (Pre-tax net Interest Rate):

* Ngân hàng phá sản: Có tỷ lệ lãi ròng trước thuế trung bình thấp hơn (khoảng 0.75) và phân tán hẹp hơn so với ngân hàng không phá sản.
* Ngân hàng không phá sản: Có tỷ lệ lãi ròng trước thuế trung bình cao hơn (khoảng 0.85) và phân tán rộng hơn. Điều này cho thấy các ngân hàng này có khả năng sinh lời từ hoạt động tín dụng tốt hơn và biến động mạnh hơn.

Tỷ lệ lãi ròng sau thuế (After-tax net Interest Rate):

* Ngân hàng phá sản: Tương tự như tỷ lệ lãi ròng trước thuế, tỷ lệ lãi ròng sau thuế của ngân hàng phá sản thấp hơn (khoảng 0.75) và ít biến động hơn.
* Ngân hàng không phá sản: Có tỷ lệ lãi ròng sau thuế trung bình cao hơn (khoảng 0.85) và biến động mạnh hơn.

Kết luận: Nhìn chung, các chỉ số sinh lời của ngân hàng phá sản đều “thấp hơn” và “ít biến động” hơn so với ngân hàng không phá sản. Điều này cho thấy các ngân hàng phá sản thường gặp khó khăn trong việc kiểm soát chi phí, sinh lời từ hoạt động tín dụng và có hiệu quả hoạt động kém hơn.

**Biểu đồ 4: Biểu đồ so sánh doanh thu và lợi nhuận trên mỗi nhân viên giữa các ngân hàng phá sản và không phá sản**

A graph of a person between bankruptcy and non-bankruptcy

Description automatically generated

**Nhận xét:**

Doanh thu trên mỗi nhân viên (Revenue per person):

* + Ngân hàng phá sản: Có doanh thu trung bình trên mỗi nhân viên là 32 triệu CN¥.
  + Ngân hàng không phá sản: Có doanh thu trung bình trên mỗi nhân viên là 1.34 triệu CN¥.
  + Nhận xét: Các ngân hàng phá sản có doanh thu trên mỗi nhân viên cao hơn rất nhiều so với các ngân hàng không phá sản. Điều này có thể cho thấy rằng các ngân hàng phá sản đã từng đạt mức doanh thu cao nhưng có thể đã gặp phải các vấn đề khác không liên quan trực tiếp đến doanh thu, dẫn đến phá sản.

Lợi nhuận hoạt động trên mỗi nhân viên (Operating profit per person):

* + Ngân hàng phá sản: Có lợi nhuận hoạt động trung bình trên mỗi nhân viên là 0.384 CN¥.
  + Ngân hàng không phá sản: Có lợi nhuận hoạt động trung bình trên mỗi nhân viên là 0.4012 CN¥.
  + Nhận xét: Lợi nhuận hoạt động trên mỗi nhân viên của các ngân hàng không phá sản cao hơn một chút so với các ngân hàng phá sản. Tuy nhiên, sự chênh lệch này không lớn. Điều này cho thấy rằng mặc dù các ngân hàng phá sản có doanh thu cao nhưng khả năng chuyển đổi doanh thu thành lợi nhuận hoạt động lại không hiệu quả.

Kết luận:

* Mặc dù có doanh thu cao, các ngân hàng phá sản không thể chuyển đổi doanh thu đó thành lợi nhuận hoạt động hiệu quả như các ngân hàng không phá sản.
* Điều này cho thấy các ngân hàng phá sản có thể đã mở rộng quy mô quá nhanh, chi phí hoạt động cao, quản lý kém hiệu quả hoặc có nhiều khoản nợ xấu, dẫn đến lợi nhuận thấp và cuối cùng là phá sản.